

Bản án số: 50/2021/HNST

Ngày: 24/6/2021

V/v: " *Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thắng

2. Bà Hồ Thị Lan Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung –Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

HKTT: khu phố H, phường E, Thành phố K, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn:

Anh Hồ Hữu C, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2021, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị L và anh C kết hôn với nhau vào năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường E, Thành phố K và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh C nhiều lần gây nợ, chị L phải vay tiền trả nợ thay cho anh C. Hiện nay anh C đã về sống chung với mẹ ruột tại ấp A, xã B. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Năm 2020, chị L đã nộp

đơn xin ly hôn và đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không kết quả. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh C.

Về con chung: Có một con chung tên Hồ C T, sinh ngày 30/10/2004. Sau ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị L.

Tại Bản tự khai ngày 08/3/2021, Biên bản hoà giải ngày 23/4/2021, bị đơn anh Hồ Hữu C trình bày:

Anh C và chị L tự nguyện kết hôn năm 2002, đã đăng ký kết hôn và được UBND phường 8, Thành phố Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C chị L về sống chung với gia đình anh C tại ấp A, xã B huyện C Bến Tre, sau ba năm mới ra riêng. Anh C chị L có 01 đứa con chung là Hồ C T sinh ngày 30/10/2004. Vợ chồng sống chung, đôi khi có xảy ra cự cãi nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn. Anh C cho rằng anh C là người chồng sống có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Thời gian một năm trở lại đây, anh C có về B để chăm sóc mẹ già lớn tuổi bệnh nặng. Thỉnh thoảng qua lại thăm vợ con. Anh C còn thương vợ con, không muốn ảnh hưởng đến con, anh C không đồng ý ly hôn chị L. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung không có. Về con chung, cháu T hiện nay đang sống chung với mẹ tại Thành phố C, nếu ly hôn, anh C yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Do anh C không đồng ý ly hôn nên xin vắng mặt trong các lần Tòa án giải quyết tiếp theo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh C. Sau ly hôn chị L được nuôi con chung tên Hồ C T sinh ngày 30/10/2004.

Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Quan điểm của VKSND huyện Châu Thành, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Hồ Hữu C được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L, anh C là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường 8, Thành phố Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng chị L anh C sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh C.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của chị L, anh C, Biên bản làm việc xác minh của Tòa án nhân dân huyện C đối với người dân địa phương nơi anh C, chị L sống đã xác nhận vợ chồng chị L anh C đã không còn chung sống gần một năm nay. Hiện anh C đang sống tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L thì thuê nhà trọ sống cùng với con trai tại Thành phố Bến Tre. Trước đây vào tháng 10/2020, chị L đã nộp đơn xin ly hôn và đã rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay mối quan hệ vợ chồng của chị L anh C vẫn không hàn gắn được. Chị L anh C không thể hoà hợp và chung sống với nhau. Chị L cương quyết ly hôn với anh C. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L anh C đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của chị L, anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Có một con chung tên Hồ C T sinh ngày 30/10/2004. Xét thấy hiện nay cháu T đang sống với chị L, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T cần để chị L được quyền nuôi cháu T là phù hợp. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Hồ Hữu C.

Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Hồ Hữu C.

Ghi nhận việc chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2. Về con chung: Sau ly hôn, chị L được nuôi con chung là Hồ C T sinh ngày 30/10/2004.

Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Chị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0004942 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Chị L, anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND phường 8, TP Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phụng